TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 307/2019/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 05 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

Căn cứ Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 306/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*:

1. Bà Lại Thị Ngọc A, sinh năm 1981. HKTT: Ấp Đ1, xã Đ2, huyện D, tỉnh B.

2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1978. HKTT: Ấp Đ1, xãĐ2, huyện D, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Lại Thị Ngọc A và ông Lê Văn Đ thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan trong việc hôn nhân và gia đình.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của bà Lại Thị Ngọc A và ông Lê Văn Đ được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lại Thị Ngọc A và ông Lê Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho bà Lại Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng 03 con Lê Tuấn A1, sinh ngày 11/6/2006, Lê Tuấn Đ3, sinh ngày 23/8/2011 và Lê Tuấn Ph, sinh ngày 11/02/2016.

Ông Lê Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung hàng tháng với số tiền 4.500.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/con) cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11/2019.

Kể từ ngày bà Lại Thị Ngọc A có yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn Đ không thanh toán số tiền nêu trên theo thỏa thuận, thì hàng tháng ông Lê Văn Đ còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lại Thị Ngọc A tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0032116 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Đ4, huyện D, tỉnh B (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01 ngày 19/8/2010);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng